

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT

Ngày 18-3-2019

V/v Tranh chấp về quyền nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến;
Bà Trịnh Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp về quyền nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; cư trú tại số C5/40 B2 đường HN, xã TK, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L: Ông Huỳnh Ngọc Át, Luật sư Văn phòng luật sư Quốc Ân, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: số 301, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Võ H, sinh năm 1946; cư trú tại thôn KB, xã PV, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ H: Ông Nguyễn Tuyên, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Bảo Lộc, thuộc Đoàn luật sư

tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: số 43, Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1945; cư trú tại thôn KB, xã PV, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và chồng là anh Võ Văn Thi tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông Á, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng có 01 con chung tên: Võ Anh K – sinh ngày: 26 tháng 02 năm 2015. Sau khi con chung được 12 tháng tuổi thì vợ chồng chị thống nhất gửi con về quê sống với ông bà nội cháu là ông Võ H, bà Lê Thị B tại thôn KB, xã PV, huyện ĐP. Đến ngày 23/4/2018, anh Võ Văn Thi làm công nhân điện lực tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị cột điện ngã đè chết. Sau khi lo mai táng chồng xong, chị xin nhận nuôi con thì ông H, bà B không đồng ý. Chính quyền địa phương và hội đoàn thể xã Phổ Vinh có mời các bên đến làm việc, khuyên giải nhưng ông H, bà B vẫn không đồng ý giao cháu K. Nay chị khởi kiện yêu cầu ông H, bà B phải giao trả cháu K cho chị chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện chị làm công nhân tại quận Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nơi ở và thu nhập ổn định 12.000.000 đồng mỗi tháng, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ H trình bày:

Vợ chồng ông có con trai tên là Võ Văn Thi. Năm 2014 anh Thi kết hôn với chị L và có 01 con chung tên Võ Anh K – sinh ngày 26/02/2015. Ngày 08/01/2016 vợ chồng anh Thi, chị L gửi vợ chồng ông chăm sóc cháu Võ Anh K để anh, chị đi làm ăn. Ngày 23/4/2018, anh Thi bị tai nạn lao động chết. Kể từ ngày con trai ông chết đến nay chị L tiếp tục gửi cho ông trông nom và chăm sóc cháu K. Đến ngày 25/6/2018 (âm lịch) chị L về đòi vợ chồng ông trả con nhưng ông không đồng ý. Chính quyền địa phương và hội đoàn thể xã Phổ Vinh có khuyên giải nhưng vợ chồng ông không đồng ý giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng. Lý do cháu K còn nhỏ, để ông bà nuôi cháu K một thời gian nữa cho cháu cứng cáp thì ông, bà sẽ tự giao cho chị L nuôi. Chi phí nuôi dưỡng cháu K do vợ chồng ông tự lo và chị Nguyễn Thị L cũng có gửi tiền cho vợ chồng ông.

Trường hợp Tòa án giải quyết giao cháu Võ Anh K cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục thì ông không yêu cầu chị L phải trả chi phí công sức nuôi dưỡng cháu K của vợ chồng ông. Ông yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Anh K của chị L trong thời hạn 05 năm để ông chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và công nhận ông là người giám hộ hợp pháp của cháu K.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Bà nhất trí ý kiến như lời trình bày của chồng bà là ông Võ H, bà không có ý kiến gì khác.

Bản án số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Giao cháu Võ Anh K, sinh ngày 26/02/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2018, bị đơn ông Võ H có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, hạn chế quyền trực tiếp nuôi con là cháu Võ Anh K trong thời hạn từ ba đến năm năm; tại phiên tòa phúc thẩm ông H yêu cầu hạn chế quyền nuôi cháu K của chị L trong thời hạn 02 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H, bà B không đồng ý giao lại cháu K cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ mới xem xét quyền của người mẹ đối với con nhưng chưa xem xét quyền của cháu K. Chị L chưa đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền của người mẹ đối với con như: Sau khi anh Thi chết 100 ngày cho đến nay, chị L không về thăm con và không gửi tiền cho ông H, bà B nuôi cháu K; chị L làm ca 12 tiếng mỗi ngày không đảm bảo thời gian chăm sóc con; chị L còn phải thuê nhà, điều kiện ăn ở chật hẹp. Các chứng cứ này thể hiện chị L đã bỏ mặc, không quan tâm đến con nên đề nghị Tòa án hạn chế quyền nuôi con của chị L trong thời gian 02 năm. Ông H, bà B có sức khỏe, có đầy đủ điều kiện vật chất, thời gian chăm sóc cháu K phát triển tốt, học hành đầy đủ. Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật Dân sự, Hiến pháp, Luật Trẻ em, chấp nhận kháng cáo của ông H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi anh Thi chết, chị L nhiều lần yêu cầu ông H, bà B giao con là cháu Võ Anh K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông H, bà B không đồng ý, chị đã

gửi đơn đến chính quyền địa phương nhờ can thiệp nhưng ông H, bà B vẫn không đồng ý và yêu cầu chị L khởi kiện.

Việc gửi cháu K cho ông H, bà B là ý chí của anh Thi và chị L. Khi ông H, bà B đã tranh chấp thì chị L không thể đến thăm con một cách thuận lợi, việc gửi cháu K cho ông H, bà B nuôi dưỡng không đồng nghĩa với bỏ bê con. Ông H, bà B đề nghị hạn chế quyền nuôi con của chị L đã xúc phạm đến chị L. Hiện nay ông H, bà B đều đã cao tuổi, không thể nuôi dưỡng cháu K lâu dài được, nếu để ông H, bà B nuôi cháu K thêm một thời gian nữa sẽ ảnh hưởng đến tình cảm mẹ con giữa chị L và cháu K. Chị L có sức khỏe bình thường, có việc làm, có thu nhập, tuy còn phải thuê chỗ ở nhưng vẫn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con như bao nhiêu người khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Chị L là người có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con; chị L có nghề nghiệp, việc làm ổn định, có chỗ ở nên đủ điều kiện nuôi con. Ông H, bà B là người cao tuổi cần có người chăm sóc. Cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn (Bút lục 11), Giấy khai sinh (Bút lục 13) và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì có căn cứ xác định cháu Võ Anh K – sinh ngày 26 tháng 02 năm 2015 là con chung của anh Võ Văn Thi và chị Nguyễn Thị L. Sau khi anh Thi chết, chị L đương nhiên được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, giám hộ hoặc đại diện cho cháu K theo quy định tại khoản 1 Điều 68, khoản 2, khoản 3 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng sau khi anh Thi chết, chị L không đến thăm nom, không gửi tiền cho ông H, bà B nuôi dưỡng cháu K chứng tỏ chị L bỏ mặc con, vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nhưng ông H, bà B lại thừa nhận sau khi anh Thi chết 100 ngày thì chị L đã nhiều lần yêu cầu giao cháu K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông, bà không đồng ý. Như vậy, không có căn cứ chị L bỏ mặc con, vi phạm nghĩa vụ của mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Chị L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có nơi làm việc ổn định từ năm 2005 đến nay bằng hợp đồng không xác định thời hạn với mức lương chính 12.000.000 đồng/tháng; chị cũng không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền của mẹ đối với con chưa thành niên quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chị L đủ điều kiện để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Còn ông Võ H, bà Lê Thị B là người cao tuổi, cần phải có sự chăm sóc, phụng dưỡng của con, cháu theo Luật Người cao tuổi nên không đảm bảo điều kiện để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Võ H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Buộc ông Võ H, bà Lê Thị B giao cháu Võ Anh K, sinh ngày 26/02/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí số AA/2016/0001545 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Võ H, bà Lê Thị B được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang